

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2022/DS-ST
Ngày 27-01-2022
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Duyên Văn Hiền;

Ông Nguyễn Việt Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc: "*Tranh đòi lại tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19A/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thúy H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; có mặt.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vĩnh H), sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Thúy H trình bày:

Ngày 29 tháng 01 năm 2012, do có quan hệ quen biết nhau nên bà có cho ông H vay 10 chỉ vàng 24k có thỏa thuận lãi suất là 1.000.000đ/tháng. Ông H có cam kết trong vòng 12 tháng sẽ trả gốc và lãi. Đến nay, đã quá thời hạn trả nợ, bà đã nhiều lần gặp ông H để yêu cầu ông H trả nợ nhưng bị đơn chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ đối với bà. Do đó ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho bà 10 chỉ vàng 24K mà ông H đã vay và không yêu cầu về lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập tòa án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Dương Thúy H khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ từ giao dịch hợp đồng là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Khánh Bình Tây thì hiện nay không xác định được ông H hiện đang ở đâu. Việc ông H thay đổi nơi cư trú nhưng gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự nên được coi là cố tình giấu địa chỉ. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện và quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa bà Dương Thúy H và ông Huỳnh Vĩnh H thực hiện việc vay vàng vào năm 2012. Theo thỏa thuận, hai bên thực hiện trả gốc và lãi trong thời hạn 12 tháng. Như vậy thời điểm ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là năm 2013. Đến năm 2020 bà H mới khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Như vậy, đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay theo quy định tại Điều 429, điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Bà H là người khởi kiện, ông H là người bị kiện nên xác định tư cách đương sự bà H là nguyên đơn, ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai. Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông ông H.

[4] Xét về chứng cứ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để bị đơn có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án nhưng bị đơn không chấp hành. Do đó Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[5] Xét yêu cầu đòi vàng vay của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số vàng vay là 10 chỉ vàng 24K, đây là số vàng mà nguyên đơn cho bị đơn vay và hiện vẫn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Do việc vay mượn không lập thành văn bản xác

nhận khoảng vay nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có tiến hành xác minh thông tin khoảng vay và ghi nhận ý kiến của ông Nguyễn Văn Đô là người có biết về khoảng vay của các bên, theo đó, ông Đô xác định ông không có quan hệ gì với các bên đương sự và ông có chứng kiến trực tiếp việc bà H có cho ông H vay 10 chỉ vàng 24K và trực tiếp đưa vàng cho ông H xong. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án có tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn để tiến hành hòa giải, xét xử nhưng ông H không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn, điều đó thể hiện về mặt ý thức, bị đơn không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận đối với số nợ mà nguyên đơn yêu cầu. Đã hết thời hạn trả nợ nhưng ông H không trả nên áp dụng các Điều 166, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc H trả cho vợ bà H 10 chỉ vàng 24K. Do đã hết thời hiệu khởi kiện và bà H không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông H phải chịu là $5\%(53.400.000 \text{ đồng}) = 2.670.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm (lấy giá vàng là 5.340.000 đồng/chỉ vào ngày 27/01/2022 làm căn cứ tính án phí). Vì toàn bộ yêu cầu của bà H được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, Điều 146, Điều 147, Điều 196, Điều 203, khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 1 Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, Điều 166, Điều 429, Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết số: 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vĩnh H) có trách nhiệm trả cho bà Dương Thúy H 10 (mười) chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Ông Huỳnh Vĩnh H (Huỳnh Vĩnh H) phải chịu án phí sơ thẩm là 2.670.000 (hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn) đồng. Bà Dương Thúy H không phải chịu án phí, bà có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0003526 ngày 22/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KT-NV TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp